

CUỘC ĐỘT KÍCH TRẠI TÙ SƠN TÂY

Sau Lưng - Chiến Sĩ Thám Sát Nha Kỹ Thuật,
trước mặt ta là kẻ thù sau lưng ta còn lại những dấu chân
SAT, JAN 1st, 2011

Hình Ảnh Biệt Cách Mỹ Đổ Bộ Xuống Trại Tù Sơn Tây.
JAN 1st, 2011



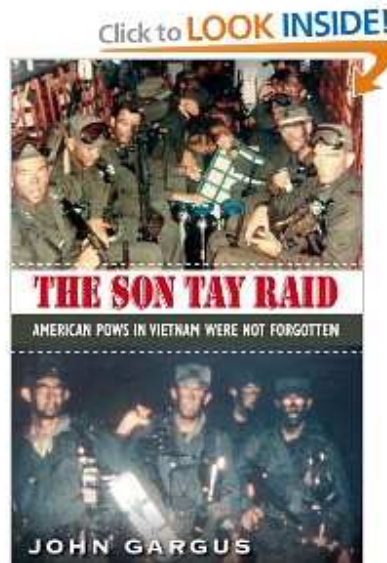
Fort Bragg / Colonel Bull Simons The Sơn Tây Raid











In May 1970, aerial photographs revealed what U.S. Military intelligence believed was a POW camp near the town of Sơn Tây, twenty-three miles west of North Vietnam's capital city. When American officials decided the prisoners were attempting to send signals, they set in motion a daring plan to rescue the more than sixty airmen thought to be held captive. On November 20, a joint group of volunteers from Army Green Berets and Air Force Special Operations Forces perfectly executed the raid, only to find the prisoners' quarters empty; the POWs had been moved to a different location. Initially, the Sơn Tây raid was a devastating disappointment to the men who risked their lives to carry it out. Many vocal critics labeled it as a spectacular failure of our nation's intelligence network. However, subsequent events proved that the audacity of the rescue attempt stunned the North Vietnamese, who implemented immediate changes in the treatment of their captives. They consolidated all Americans from their incarceration in camps to a single downtown Hanoi location where prisoners could take better care of each other. The operation also restored the prisoners' faith that their nation had not forgotten them.

John Gargus not only participated in the planning phase of the Sơn Tây rescue, but also flew as a lead navigator for the strike force. In the last few years, he has immersed himself in relevant documents that have been declassified. He has also conducted extensive interviews with others involved in the secret mission. The Sơn Tây Raid incorporates this wealth of unpublished material -- air operations planning and training, ground preparation, interviews, and even North Vietnamese perspectives -- with Gargus's own experience. No previous account of this top-secret action has given so many details or such insight into both the execution and results of Sơn Tây. This book will be an invaluable addition to the history and historiography of the Vietnam War.



...Một số hoạt động trong vùng địch của các đơn vị đặc nhiệm Việt-Mỹ như MACV-SOG, Trung Tâm Huấn luyện và Hành Quân Delta (kế hoạch Delta, kế hoạch Omega của bộ phận B-50, và kế hoạch Sigma của bộ phận B-56 đã được thi hành trong thời gian từ năm 1964 đến giữa năm 1970. Sau thời gian này, Liên Đoàn 5 Lực Lượng Đặc Biệt (LLDB) Hoa Kỳ tại Việt Nam chấm dứt các hoạt động biệt kích trên chiến trường Việt Nam. Tuy nhiên các hoạt động đặc nhiệm mang tính cách chiến lược và hành động khẩn cấp vẫn được Lực Lượng Đặc Biệt Hoa Kỳ thực hiện, và một trong những công tác ngoạn mục nhất và nguy hiểm nhất của binh chủng này là cuộc hành quân đột kích giải cứu tù binh Mỹ tại nhà tù Sơn Tây, cách Hà Nội 23 miles về hướng Tây Bắc Việt.



Công tác đặc biệt này được gọi là **Cuộc Hành Quân Đặc Nhiệm Kingpin POW**, và đã diễn ra ngày 21 tháng 11 năm 1970 do Đại Tá Arthur Simons với biệt danh "Bò Tót" chỉ huy. Lực Lượng Đặc Nhiệm gồm 56 quân nhân được chọn từ toán Lực Lượng Đặc Biệt số 6 và số 7 tại Trung Tâm Chiến Tranh Đặc Biệt Lục Quân Hoa Kỳ ở căn cứ Fort Bragg, tiểu bang North Carolina. Và một số quân nhân khác cũng đã được chọn từ trường Biệt Động ở Fort Benning, tiểu bang Georgia.

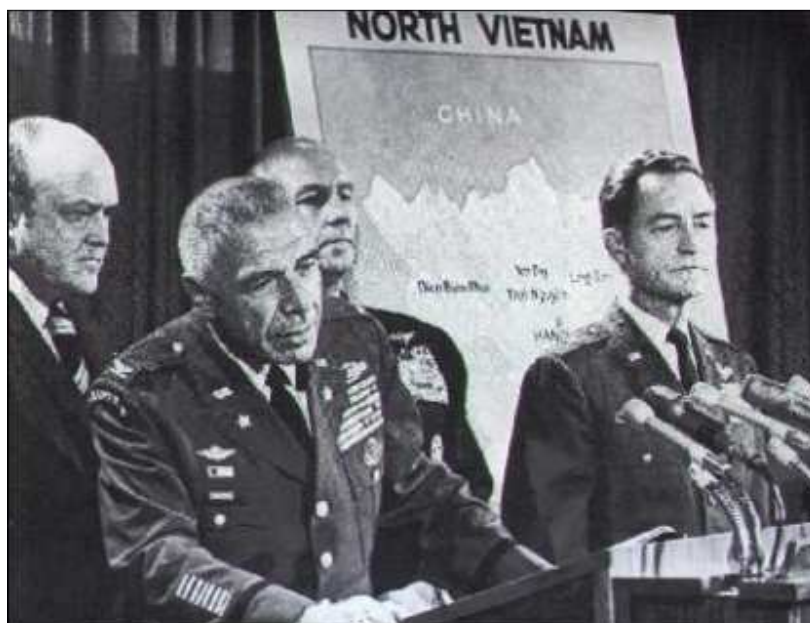
Được chính thức hoạt động ngày 8 tháng 8 năm 1970 với danh xưng Lực Lượng Đặc Nhiệm Liên Quân Bờ Biển Ngà, kế hoạch này được Chuẩn Tướng Donald Blackburn, phụ tá đặc biệt về hoạt động cho Bộ Tham Mưu Liên Quân soạn thảo. Năm 1965, khi còn mang cấp Đại Tá, ông được bổ nhiệm giữ chức chỉ huy trưởng MACV-SOG (Military Assistance Command Vietnam - Special Observation Group). Năm 1970, ông là người đưa ra ý kiến tổ chức cuộc đột kích và đệ trình kế hoạch tổng quát lên tổng tham mưu trưởng liên quân là đại tướng Earle Wheeler.

Tháng 6 năm 1970, Đại Tướng Lục Quân Earle Wheeler chuẩn y kế hoạch tổng quát để giải cứu tù binh Mỹ do Chuẩn Tướng Blackburn đề xướng, đồng thời chỉ định một toán gồm 15 chuyên viên tình báo được đặt dưới quyền điều động của vị tướng này để bắt tay vào việc soạn thảo chi tiết kế hoạch. Kế hoạch này được phân chia thành 3 giai đoạn.

GIAI ĐOẠN 1: THU THẬP TIN TỨC TÌNH BÁO

Trại tù Sơn Tây không lớn, được xây dựng theo phối trí hình vuông, mỗi cạnh có chiều dài khoảng 45 mét, chung quanh có tường cao trên 2 mét. Trại nằm giữa một ruộng lúa, quanh trại có 3 vọng gác cao, tù binh Mỹ bị nhốt trong bốn cán láng.

Trại Sơn Tây và Ấp Lữ, một trại tù binh khác, đã được toán Tình Báo Đặc Nhiệm Tù Binh Hoa Kỳ xác định vị trí vào tháng 5 năm 1970. Đây là toán đặc nhiệm được thành lập vào năm 1967 với nhiệm vụ là theo dõi hồ sơ các tù binh Mỹ, xác định vị trí của các trại tù, để thông báo cho Không Quân Hoa Kỳ tránh thả bom vào các khu vực đó. Riêng trại tù Sơn Tây, theo sự xác định của toán đặc nhiệm, trại này giam giữ khoảng 55 tù binh Hoa Kỳ.



Tấm hình chụp trong một buổi họp-báo tại Ngũ Giác Đài.
Từ trái sang phải: *Melvin Larid (Bộ Trưởng Quốc Phòng),
Đại Tá Arthur Simons (chỉ huy một toán đột-kích 22 người),
Đề Đốc Thomas Moore (Chủ Tịch Hội Đồng Liên Quân), và
Chuẩn Tướng Leroy Manor (Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Nhiệm).*
(HÌNH ẢNH: U.S.Army)

Sau khi đã xác định vị trí, Không quân Hoa Kỳ đã tiến hành các chuyến bay thám sát. Không ảnh từ các chuyến bay tiết lộ những trở ngại quan trọng chung quanh trại tù. Đó là một bộ chỉ huy của Sư Đoàn 12 Cộng Sản Bắc Việt (CSBV), gồm 12 ngàn bộ đội đồn trú gần đó, và một trường huấn luyện Pháo Binh Bắc Việt. Cách trại Sơn Tây 500 mét là một trường trung học. Tại tỉnh Phúc Yên, miền Bắc, cách trại tù 32 km là một căn cứ Không Quân. Như thế có nghĩa là cuộc đột kích phải được thực hiện chớp nhoáng vì viện binh của địch quân có thể hiện diện mau lẹ tại trận địa.



Không ảnh trại tù sơn Tây



Diorama model of SON TAY prison compound

Sa bàn trại tù Sơn Tây được dựng lên từ dữ liệu không ảnh cho việc lập phương án đột nhập trại giam của LL /Đặc Nhiệm

GIAI ĐOẠN 2: TUYỂN MỘ VÀ HUẤN LUYỆN

Ở giai đoạn này, Lục Quân Hoa Kỳ tuyển mộ các binh sĩ tình nguyện và tổ chức cuộc huấn luyện cho các cảm tử quân này. Trong khi đó bộ phận tình báo tiếp tục thực hiện những phi vụ chụp không ảnh vùng Sơn Tây bằng phi cơ bay cao loại Lockheed SR-71 và phi cơ không người lái Buffalo Hunter. Các ảnh chụp được trong mùa hè cho thấy các hoạt động tại Sơn Tây giảm thiểu và đến mùa thu 1970 thì vắng vẻ. Trong khi đó, trại tù binh cách đó khoảng 26 km về phía Tây thì nhộn nhịp hơn.

GIAI ĐOẠN 3: HÀNH ĐỘNG

Lệnh thi hành được Bộ Tham Mưu Liên Quân chuẩn y và ban hành ngày 18 tháng 11 năm 1970. Về các cảm tử quân, sau thời gian huấn luyện, vào đêm 18 tháng 11 năm 1970 tất cả đội đặc nhiệm này được đưa lên vận tải cơ C-141. Từ giờ phút đó, các cảm tử quân không được mặc quân phục hay mang huy hiệu của đơn vị nào. Sau nhiều giờ trên máy bay, họ được thả xuống phi trường Thakhi, Thái Lan.

Ngày N sắp bắt đầu sau sáu tháng hoạch định và ba tháng tập dượt kỹ càng. Trước giờ xuất phát, các cảm tử quân mới được thông báo là cuộc đột kích bí mật này có mục tiêu cứu tù binh Mỹ bị giam tại nhà tù Sơn Tây Bắc Việt. Do đó đội đặc nhiệm sẽ tiến hành cuộc tấn công chớp nhoáng và táo bạo.



Trực thăng HH-53 chở toán Delta được C-130 tiếp nhiên liệu trên không phận Lào trước khi xâm nhập Bắc Việt trực chỉ Sơn Tây

Theo kế hoạch, Lực Lượng Đặc Nhiệm lên các trực thăng HH-53 tại căn cứ Không Quân Udom ở Thái Lan, bay qua đất Lào vào Sơn Tây. Trong khi đó các phi cơ chiến đấu Không Quân, Hải Quân Mỹ sẽ mở cuộc không tập đánh lạc hướng trên không phận Bắc Việt. Đúng 2 giờ 18 phút sáng ngày 21 tháng 11, Trung Tá Không Quân Hebert Zehnder đáp trực thăng chở toán xung kích của Đại Úy Richard J. Dick Meadows xuống ngay sân nhà tù Sơn Tây.

Mặc dù đã tập dượt kỹ càng, chiếc trực thăng chở toán quân này cũng bị vướng một dây phơi quần áo, cánh quạt đụng phải một thân cây làm máy bay rớt xuống đất trong sự va chạm dữ dội. Theo lời kể của Đại Úy Meadows thì chỉ có một trung sĩ bị bình chữa lửa đập vào chân làm bể mắt cá, còn Trung Úy George Petrie thì bị té văng ra khỏi trực thăng, ngoài ra không có ai bị thương.

Dưới quyền điều động của trưởng toán Meadows, tất cả nhảy ra khỏi trực thăng và tác xạ triệt hạ các lính canh Cộng Sản Bắc Việt. Đại Úy Meadows khom người phóng mình vào trại, vừa nói qua loa phóng thanh cầm tay: "*Chúng tôi là quân nhân Mỹ đến cứu các anh, tất cả nằm xuống tránh đạn. Chúng tôi sẽ vào ngay.*"

Thế nhưng không một ai trả lời.

Trong khi đó, Trung Tá Không Quân John A. Allison hạ trực thăng của ông chở toán an ninh và chỉ huy của Trung Tá Elliott P. Sudnor xuống bên ngoài tường nhà đúng kế hoạch. Thượng Sĩ Herman Spencer dùng chất nổ phá thủng bức tường. Họ tiếp tay với toán xung kích đang chiến đấu tiến vào nhà tù, lục soát các tòa nhà. Trung Sĩ Tyrone J. Adderly, thuộc toán chỉ huy dưới đất đã dùng súng phóng lựu M-79 để tiêu diệt một vị trí súng máy nguy hiểm nhất của địch.

Cùng vào thời gian này, Trung Tá Không Quân Warren A. Britton, chở toán binh sĩ do Đại Tá Arthur Simons chỉ huy, hạ cánh xuống tọa độ được ấn định. Thế nhưng cả toán lại bị thả lộn xuống một trường trung học cách trại tù chừng 500 mét. Trường học này đã được quân Bắc Việt sử dụng làm trại lính.



Trong cuộc chiến Việt Nam, trực thăng HH-3E thường được sử dụng cho các phi vụ cấp cứu phi công lâm nạn (máy bay bị bắn rớt, phải nhảy dù xuống vùng đất địch). Trực thăng được trang bị một ống tiếp nhận nhiên liệu phía trước để có thể nhận xăng từ một phi cơ tanker trên không trung. Trên trực thăng có gắn hai đại liên 7.62-ly, hoặc một giàn đại liên 6-nòng ghép (hình nhỏ). Ở phía sau có một hệ thống giây cáp dài 70 mét dùng để "móc" phi công lên thẳng trong trường hợp trực thăng không đáp xuống được.

Ngày 21 tháng 11/1970, hai chiếc HH-53 chở đầy lính lực lượng đặc biệt đã cất cánh từ căn cứ Udorn, Thái Lan, được hộ tống bởi 5 oanh tạc cơ A-1 Skyraiders bay qua không phận Lào và sau đó trực chỉ Sơn Tây để giải cứu các tù binh Mỹ.

Nhận thấy cảnh trí lạ hoắc, toán của Đại Tá Simons biết là sai địa điểm, nhưng trực thăng đã bay lên cao nên cả toán phải quyết tử chiến. Quân Cộng Sản Bắc Việt tủa ra và tất cả đã hoảng hốt trong quần xà lỏn cùng áo thun. Đại Úy Wather lập tức bắn gục 3 Cộng quân.

Trong khi đó, Đại Tá Simons vừa nhảy xuống giao thông hào thì đã đụng một bộ đội Cộng Sản với vẻ mặt ngờ ngác kinh hãi. Trong tích tắc, hắn bị bắn hạ tại chỗ. Trong vòng 5 đến 10 phút, cả toán của Đại Tá Simons đã tiêu diệt trên 100 bộ đội Bắc Việt. Ngay sau đó, phi công trực thăng biết là thả lầm nên đã hạ xuống đón và đổ toán này xuống trại tù Sơn Tây.

Bên trong nhà tù Sơn Tây, các binh sĩ thuộc quyền chỉ huy của Đại Úy Meadows và Trung Tá Sydnor đã tiêu diệt trên 50 lính gác Cộng quân trong khi lục soát nhà tù và tìm các đường hầm. Nhưng họ không tìm thấy một tù binh Hoa Kỳ nào. Cảm tử quân được

rút lui sau 20 phút trên mặt đất. Và hành động cuối cùng của Đại Tá Meadows là tiêu hủy chiếc trực thăng bị hư hại (lúc đầu khi đáp xuống) trước khi rút lui.

Sau khi cuộc hành quân kết thúc, bộ phận tình báo Lực Lượng Đặc Biệt Hoa Kỳ mới biết rõ là toán tù binh Mỹ đã được di chuyển đi nơi khác khỏi Sơn Tây từ hồi tháng Bảy, vì miền này bị lụt. *Một nghi vấn được nhiều nhà quân sự và quân sự Hoa Kỳ nêu lên là tại sao Đô Đốc Moorer (người thay thế Đại Tướng Wheeler trong chức vụ Tổng Tham Mưu Trưởng Liên Quân) là ngày 19 tháng 11 năm 1970 (ngày N-2) chính ông đã được báo là tù binh đã di chuyển trại mà vẫn ra lệnh xuất phát cuộc đột kích.*



President Nixon speaks during an awards ceremony honoring four members of the military special forces team which raided the Sơn Tây P.O.W. Camp in North Vietnam.

The honorees from left to right are: *Brigadier General Leroy Manor, Technical Sergeant Leroy Wright, Sergeant First Class Tyrone Adderly, and Colonel Arthur Simons. (Image Wally McNamee/CORBIS)*

Về kết quả, theo nhận định của Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt Hoa Kỳ, thì mặc dù tình báo cấp cao đã thiếu sót theo dõi và thu thập tin này, nhưng cuộc đột kích được coi là hoàn toàn không vô ích. Một sự kiện được các quan sát viên ghi nhận là sau trận đột kích bất thành, Hà Nội biết rằng Hoa Kỳ rất quan tâm đến an toàn của tù binh Mỹ nên buộc lòng đã phải thay đổi cách đối xử với các quân nhân Hoa Kỳ bị giam giữ tại miền Bắc để tìm sự thương thảo tại hội đàm Paris.

Vương Hồng Anh





Đây là một đoạn của tác giả Bùi Tín viết trong cuốn "**Người Hùng Mỹ Chóng Mặt**" (NXB Quân Đội Nhân Dân -1973) nói về vụ đột kích Sơn tây:

"... Tôi nhớ vụ đó xảy ra vào quãng tháng 11 năm 1972. Lúc bấy giờ có một trại giam phi công Mỹ ở miền Bắc đặt tại Sơn Tây. Để thu thập tài liệu cho cuốn sách đang viết là cuốn "Người hùng Mỹ chóng mặt", tôi đã phỏng vấn gần hai trăm tù binh Mỹ, hầu hết là những phi công lái máy bay. Trước đó hai tháng, vào tháng 9.1972, tôi lên trại giam ở Sơn Tây và đã ở trại đó hai ngày. Trong trại có khoảng hơn sáu chục phi công Mỹ và tôi còn nhớ có hai người da màu, trong đó còn có một người Mỹ gốc Nhật Bản. Trận giải cứu tù binh Mỹ không thành, khi trong ba máy bay trực thăng của toán giải cứu đổ bộ xuống, có một chiếc hạ xuống sân trại giam bị vướng vào một cây bàng, nên không cất cánh lên được, đành phải bỏ lại. Ngày hôm sau tôi đã lên trại, tận mắt chứng kiến nơi bị biệt kích Mỹ tập kích. Lý do thất bại của phía Mỹ rất đơn giản là số tù binh ở trại đã được chuyển đi trước đó hơn hai tuần. Sự di chuyển này hoàn toàn nằm trong kế hoạch đã định sẵn, không phải do ý định giải cứu của Mỹ bị lộ. Qua tìm hiểu từ các tài liệu của Mỹ, tôi được biết tình báo trên mặt đất của họ rất yếu. Phía Mỹ chỉ dựa vào ảnh chụp được qua máy bay do thám của họ để phân tích, phán đoán ở vùng đó có một trại giam và có người Mỹ ở đó và họ đã quyết định giải cứu. Kế hoạch giải cứu được tổ chức, chuẩn bị rất công phu. Họ đắp sa bàn qua bản đồ khu vực Sơn Tây có trại giam, lập mô hình giống hệt với thực địa, nơi đổ quân giải cứu, gồm có lô cốt, nhà cửa, trại giam. Các đơn vị biệt kích của Mỹ đã được huấn luyện đặc biệt trên một hòn đảo bí mật. Vào lúc nửa đêm, máy bay lên thẳng của Mỹ chở quân biệt kích đi giải cứu xuất phát từ Thái Lan và bay khá cao rồi hạ xuống khu vực đổ bộ. Toán giải cứu hoạt động trong khu vực trại giam khoảng 40 phút. Do không có tình báo mặt đất nắm sát tình hình, nên trong thời

gian chuẩn bị tập kích số tù binh đã được chuyển đi mà phía Mỹ vẫn không hay biết. Cuộc giải cứu không thành công, phải bỏ lại một máy bay lên thẳng và bắt mang theo ba, bốn bộ đội địa phương để khai thác tài liệu..."



Hội ngộ lần thứ 40, cuộc giải cứu "hụt" tù binh Mỹ ở Sơn Tây

Destin – Trong số những người tham dự buổi hội ngộ lần thứ 40 kỷ niệm ngày giải cứu tù binh Mỹ ở Sơn Tây, không những chỉ có những người lính thuộc lực lượng đặc biệt năm xưa, mà còn có sự tham dự của những cựu tù binh Mỹ.

Ngày 21 tháng Mười Một năm 1970, 59 lính thuộc Lực lượng Đặc biệt (trong đó có 3 người thuộc binh chủng Không Quân, phần còn lại là lính Green Berets) bay đêm trong một phi vụ giải cứu khoảng chừng 50-75 tù binh Mỹ đang bị giam giữ ở nhà tù Sơn Tây, Bắc Việt Nam. Những gì họ tìm thấy sau khi đột kích là một nhà tù vắng toanh.

"Điều này ám ảnh những người lính tham dự cuộc giải cứu đó qua một thời gian rất lâu," ông Gargas, tác giả cuốn "Cuộc tập kích Sơn Tây: Tù binh Mỹ ở Việt Nam không bị lãng quên" nói.

Tất cả lính biệt kích Mỹ tham dự lần đó đều bày tỏ sự thất vọng khi phát hiện trại tù không có tù binh nào. Nhưng ở thời điểm đó, họ không biết rằng, tuy không cứu được tù binh nào nhưng công tác này là một sự thành công về các phương diện khác.

Theo tác giả Gargas, tù binh Mỹ ở Việt Nam ngay sau đó biết chuyện giải cứu này. Cho dầu họ không được cứu trong lần đó, tin tức cuộc giải cứu này làm họ phấn chấn, phục hồi niềm hy vọng và điều kiện sống của họ được cải thiện.

Trước cuộc tập kích Sơn Tây này, tù binh Mỹ bị giam rải rác ở nhiều trại giam khác nhau trong những điều kiện sống khủng khiếp, rất nhiều người trong số họ bị biệt giam. Tất cả họ được dồn về một chỗ ngay trước khi cuộc tập kích xảy ra.

“Họ được đưa vào những phòng lớn chứa khoảng 40 đến 50 người. Cuối cùng họ thấy được những khuôn mặt người đồng đội Hoa Kỳ,” ông Gargas nói. *“Họ ý thức là họ chưa bị lãng quên, đang có người tìm kiếm họ. Vì vậy họ biết là họ sẽ có ngày về.”*

Cuộc giải cứu này được đánh giá như là một mẫu mực của một công tác liên quan đến nhiều ban ngành trong quân đội, được tiến hành chuẩn xác, theo Hội Biệt Kích Sơn Tây (STRA). Theo tác giả Charles Tustin Kamps, không ảnh từ máy bay do thám Hoa Kỳ Blackbird SR-71 xác định là trại tù Sơn Tây, cách Hà Nội 20 cây số có thật và đang hoạt động. Tướng một sao Donald B. Blackburn dựa vào điều này đề nghị kế hoạch giải cứu tù binh. Được chấp thuận bởi Tổng Tham mưu trưởng Liên quân tướng Earle Wheeler, Trung tá Elliott Sydnor và Đại tá Arthur Simons đích thân đứng ra tuyển chọn người, huấn luyện, thực tập ở một trại giam được xây dựng bởi Cơ quan Tình báo Trung ương Hoa Kỳ (CIA) dựa trên hình không ảnh của trại tù Sơn Tây, xây ở Căn cứ Không quân Eglin, tiểu bang Florida. Đêm 20 tháng Mười Một năm 1970, Không quân Hoa Kỳ cho vào trận với một chiếc EC-130, hai chiếc EC-130E, một chiếc 135M, và một chiếc EC-121T để kiểm soát phần không gian, gây nhiễu sóng và theo dõi, điều hợp cuộc đột kích.

Về phía Hải quân, gồm mười chiếc F-4 bảo vệ vùng trời nếu MIG xuất hiện cùng với năm chiếc F-105 Wild Weasel để đánh hoả tiễn nếu các dàn SAM trở nên hoạt động, cùng với mười chiếc KC-135 tiếp xăng trên không cho máy bay. Những chiến đấu cơ của hải quân Hoa Kỳ đã thành công trong việc làm hệ thống phòng không của Bắc Việt hoàn toàn để ý đến họ về phía Đông và sơ hở ở phía Tây là nơi lính biệt kích Mỹ đổ vào từ phía bắc Lào.

2:18 sáng ngày 21, lính biệt kích Mỹ đột kích trại tù Sơn Tây. Họ chỉ thấy trại vắng tanh, không một tù binh nào được tìm thấy ở đây. Tất cả lính biệt kích được di tản ra khỏi trại tù đúng 29 phút sau khi đáp, một phút trước kế hoạch.

Không có tử vong về phía Mỹ trong trận tập kích này. Tuy nhiên, có một số tử vong về phía Bắc Việt khi máy bay trực thăng do ông Đại tá Simons điều khiển đáp trật chỗ, lại nhằm ngay chỗ lính bảo vệ Bắc Việt đang trú và lính Bắc Việt bị tấn công bất ngờ.





PROFILE

USAF's 'Jolly Green Giant'

In order to satisfy the USAF's requirements, Sikorsky found that a major redesign of the HH-3E was necessary. The company designated the new helicopter S-61B and five versions of the basic amphibious transport design were built.

Principal amongst the design changes were a tricycle nose-wheel undercarriage and a large rear loading ramp door. Of the initial CH-3C model, 41 were built before production of the

HH-3E began in 1966. Meanwhile, the USAF had an urgent need for a helicopter capable of rescuing downed airmen in a hostile environment - Vietnam.

Optimized for CSAR, the HH-3E had automatic defensive machine-guns, jet-assisted long-range fuel tanks and an in-flight refuelling (IFR) probe. Such was the ability of the HH-3E that it often rescued downed airmen as well as airmen and became known as the 'Jolly Green Giant'. The last development was the



Above: CH-3Es also carried a winch above the startboard forward door, adding extra flexibility and giving the helicopter a secondary SAR role.

HH-3E Pelican for the US Coast Guard. Basically an HH-3E with military equipment removed, the aircraft gave superb service into the 1990s, flying long-range, rescue and anti-drug missions.



Below: The rear loading ramp had upper and lower parts, allowing vehicles up to 2.21 metres (7 ft, 2 in.) tall to be loaded. Large sprockets on either side of the fuselage kept the aircraft stable on water and accommodated the main landing gear.

HH-3E

This is an Air Force Reserve squadron HH-3E in standard 'European One' camouflage. In 1980 the HH-600 Pave Hawk began replacing HH-3Es. The new helicopter retains all the best features of its ancestor, including jet-assisted external tanks and an IFR probe.

Type: long-range combat search-and-rescue helicopter
Powerplant: two T58-GC-10 turboshafts
Maximum speed: 251 km/h (152 m.p.h.)
Climb rate: 6.7 m/sec
Range: 1005 km (624 mi)
Service ceiling: 3050 m (10,000 ft)
Weight: maximum take-off 10000 kg (22,046 lb); usual gross 8740 kg (19,000 lb)
Armament: at least two 7.62-mm or 12.7-mm machine-guns on flexible mounts, fixed through the side doors
Dimensions:
main rotor diameter 18.9 m (62 ft)
length 17.43 m (57 ft, 3 in.)
height 5.31 m (18 ft)
rotor disc area 200.3 m ² (3,209 sq ft)

The HH-3E provided its two-man flight crew with armour protection and a comprehensive cabin and navigational avionics suite. Coast Guard HH-3Es added search radar for maritime operations. Up to 15 stretcher patients could be accommodated in the seven-seat cabin.

Two T58-GC-10 turboshafts gave the HH-3E good speed and climb performance. With the greenies closing in on a casualty, speed was essential for a successful rescue.

The main rotor did not retain the blade folding mechanisms of the naval CH-3. Vietnam pilots are rumored to have used the rotor to pin downed pilots down, allowing them to reach downed airmen.

A two-bladed aluminum tail rotor was adopted directly from the CH-3. A six-bladed tail rotor was mounted opposite the rotor mounting. On the ground, the tail-rotor in flight attitude was controlled by the length of the undercarriage.

Hydraulically jettisoned doors formed the rear loading ramps. The open upper section retracted into the upper fuselage, while the lower part folded downwards to form the ramp. In contrast, the partially open ramp often had an extra machine-gun.



COMBAT DATA

RANGE	All three of these helicopters offer good long-range performance, essential in the SAR role. Although the HH-3E's range is greatest, when equipped with in-flight refuelling capability its range is limited only by the endurance of the crew and the durability of the airframe.
HH-3E	1000 km (621 mi.)
HH-119F 'Wald' II	1126 km (700 mi.)
UH-1H 'Huey' II	1200 km (744 mi.)

Multi-mission S-61R



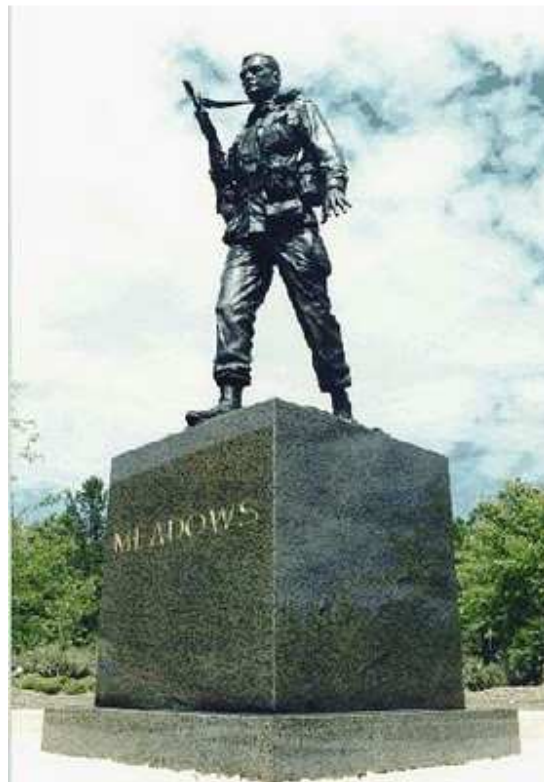
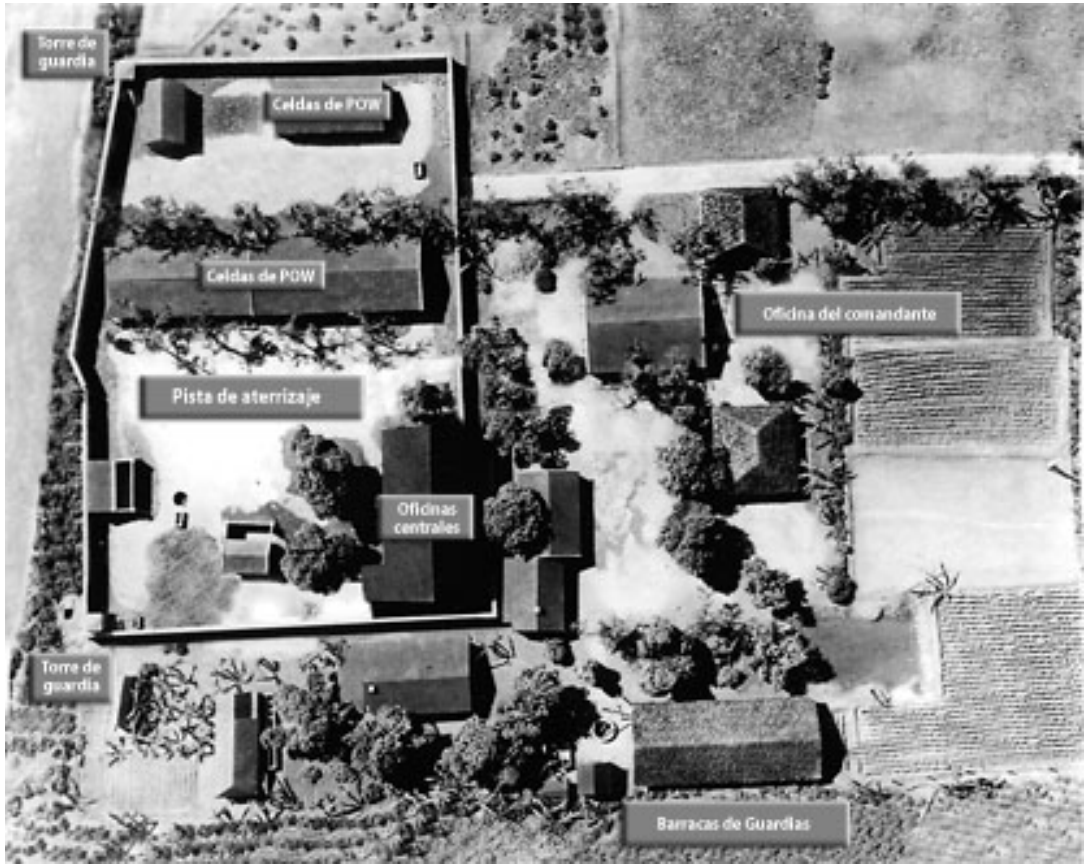
US COAST GUARD SAR: Having located the survivor using search radar, locator beacons and distress flares the HH-3E crew gluck casualties to safety using the rescue winch.



USAF VIETNAM CSAR: While a Douglas AD-1 Skyraider provided cover, the HH-3E winched four aviators down from the jungle. The helicopter's own machine-guns forced the enemy to remain silent during the rescue.



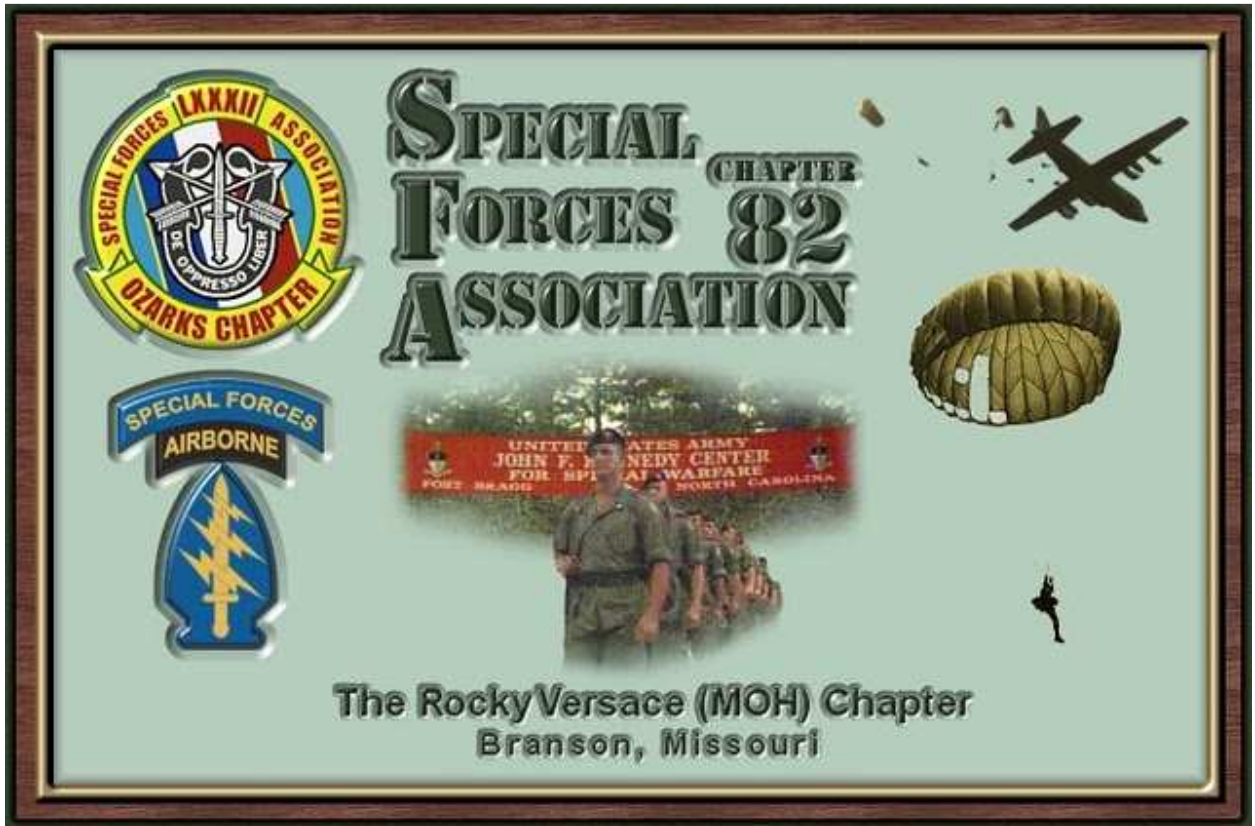
USAF CH-3C DRONE RECOVERY: CC-130 Hercules released reconnaissance or target drones. After using up all their fuel these drones are recovered by the CH-3C and returned to base, where they only be processed for reuse.





Diorama model of SON TAY prison compound







Minutes after 2 A.M. on November 21, 1970, more than one hundred U.S. War planes shattered the dark calm of the skies over Hanoi. Their mission: rescue sixty-one American POWs from Sơn Tây prison. Less than thirty minutes later, the raid was over, but no Americans had been rescued. The prisoners had been moved from Sơn Tây four and a half months earlier and that wasn't all. Part of the raiding force landed at the wrong compound, a "school" bristling with enemy soldiers, but the soldiers weren't Vietnamese.... Replete with fascinating insights into the workings of high-level intelligence and military command, *The Raid* is Benjamin Schemmer's unvarnished account of the courageous mission that was quickly labeled an intelligence failure by Congress and a Pentagon blunder by the world press. Determined to ferret out the truth, Schemmer uncovers one of the CIA's most carefully guarded secrets. From the planning and live-fire rehearsals to the explosive reactions of the Joint Chiefs of Staff watching the drama unfold to the aftermath as the White House and Pentagon struggled for damage control, Schemmer tackles the tough questions. What really happened during the twenty-seven minutes the raiders spent on the ground? Did the CIA know the whole time that the Americans were gone? Had the Agency in fact been responsible for the POWs being moved? And perhaps most intriguing, why was the rescue—though it never freed a single prisoner—not a failure after all?





OPERATION KINGPIN THE SON TAY RAID



[Home](#) | [Intelligence](#) | [Mission Objective](#) | [Personnel & Aircraft](#)
[After Action Report](#) | [Other Web Sites](#)

On November 20-21, 1970, a joint force composed of USAF Special Operations and rescue personnel and U.S. Army Special Forces, supported by U.S. Navy Carrier Task Force 77, made a daring raid on the Son Tay prison camp located less than 30 miles from Hanoi, North Vietnam . The objective was to rescue as many as 100 U.S. captives thought to be held there.

The assault troops, in six ARRS helicopters accompanied by two C-130 aircraft, flew 400 miles to Son Tay from bases in Thailand . U.S. Navy pilots made a diversionary raid while 116 USAF and Navy aircraft from seven air bases and three aircraft carriers flew refueling, surface-to-air missile suppression, fighter cover, close air support, early warning, communications support and reconnaissance missions.

Although no prisoners were found in camp, the raid was a brilliant success in transporting,



















If you don't know what the Son Tây Raid is, slap yourself. Fifty six Special Forces troopers flew into the middle of a North Vietnamese POW camp, and pulled off a near-flawless rescue operation.

Except the POWs had been moved.

There is a pretty good book on this called "*The Raid: The Son Tây Prison Rescue Mission*" by Benjamin F. Schemmer.

To summarize (Believe it or not, this is a summary):

There was an awful lot more to this than it first appears. It's not just gathering a group of Green Berets together, practicing on some building mockups, and rounding up transportation (as if that's all minor stuff). This involved all the services plus the CIA, everyone up to the President, personnel all over the USA in preparation, personnel in three or four countries in Southeast Asia in execution, and 116 aircraft in the air that night.

The planners first heard about Son Tây in August 1970. Colonel Arthur "Bull" Simons of the US Army was assigned the ground section and Brigadier General LeRoy L Manor USAF was assigned the air section. They were called to Washington, basically told peace talks and POW negotiations aren't going well, we have pictures of this camp 23

miles from Hanoi, and it looks like our people might be getting moved out of it. They were asked if they would like to plan a rescue. Yes, sir.

Col Simons went to Ft Bragg, home of Special Forces, seeking volunteers with the special qualifications he outlined. He went there instead of Vietnam because yanking bodies out of A-teams all over Vietnam would have attracted unwanted attention. He got about 500 SF guys together, told them as little as possible about the mission aside from being dangerous as hell, that they would get nothing extra, not even per diem, and anyone interested could meet him there in an hour. And he got about 500 volunteers. He narrowed it to 100, knowing he would trim that almost in half at departure time but he wanted plenty of redundancy.

Simons named Lt Col Bud Sydnor his ground component commander.

Gen Manor started scraping up aircraft and coordinating with the other services. He selected aircrews with special qualifications in a similar manner as Simons selected his troopers, and all volunteers. He arranged to train at Eglin AFB, FL. With people wearing uniforms from different branches of the service training together, people would get curious and it's remote location would be helpful keeping the curiosity down. They used an area around Auxiliary Field #3. From the CIA, he got SR-71 photographs of the prison camp and a scale model of the camp, from which they built a replica of the entire compound.

It was estimated that 75+ POWs were housed there.

They had five HH-53 and 1 HH-3 helicopters, 2 MC-130 transports, and 5 A1-E ground support aircraft.

Timing would be critical throughout the mission. Not just during the actual raid, but at takeoff, the aircraft linkups, their refueling, the arrival and departure times, etc, Weather conditions also had to be right. Among them was a quarter moon: enough to see, but not too much. The dates of 21-25 October and 21-25 November were suitable. The mission was planned for 21 October.

The mission had to be approved up through several levels, ending with President Nixon.

The Joint Chiefs of Staff approved the mission and mission date on 16 September.

The Secretary of Defense approved on 24 September.

They still needed approval from the National Security Advisor (Kissinger) and Nixon.

Kissinger heard the presentation on Oct 8 and was "enthusiastic" and said he would present it to the President personally. They told him final approval would be needed within the next 24 hours to make the Oct 21-25 window. Kissinger advised them Nixon would be "unavailable" during that time.

While missing the October window was bad news, it gave them 30 days more practice time, allowed them to acquire and install Forward Looking Infrared radar (FLIR, which was pretty cutting edge at the time), and let them solve some problems with a weapon night sight*. The bad part, of course, was that the longer they waited, the greater the risk of the operation getting compromised.

Still awaiting final approval, the group left Eglin for Thailand Nov 10. They stayed at a CIA-controlled facility near Takhli, Thailand making final preparations and practicing. The planners rounded up more aircraft and made preparations of their own.

They had F-105 Wild Weasels to jam or shoot down any SAM missiles, F-4s for Mig cover, KC-135 tankers, and had arranged for a carrier group in the Tonkin Gulf - on the other side of Vietnam - to conduct operations that would hopefully draw North Vietnamese radar attention that direction.

Final approval finally came from Nixon. As the mission window of Nov 21-25 approached, so did a typhoon. Besides causing problems with the operation itself, the carrier group's diversion operation couldn't be held. After careful consideration of the weather, the decision was made to launch one day early on Nov 20. An awful lot of involved people were told at the last minute.

The final selection of 56 men was made during this time also. They had remained at a strength of 100 men as long as possible. With the potential for injuries, or a helicopter crash in training that could take out as many as two dozen men, they had to have plenty of backups on hand to step in if needed.

The Mission

Until five hours before takeoff, only four people knew the mission. The men did not know the mission or location. When they were gathered together and told by Col Simons, it was supposedly something like this:

"We are going to rescue 70 American prisoners of war, maybe more, from a camp called Son Tây. This is something American prisoners have a right to expect from their fellow soldiers. The target is 23 miles west of Hanoi."

I've read the raiders cheered, and I've read they applauded. Either way, they approved.

At 22:00, the raiders left the Thai CIA base in a C-130 and flew to Udorn (Thailand) AFB, where they boarded their three helicopters. The helos launched between 23:18 and 23:25, following an HC-130 (helicopter refueling C-130) that would refuel them after takeoff. The field had been cleared of personnel; even the tower was empty. The helos joined up with an MC-130 over northern Laos, which with its better navigation gear, would help guide them over Laos' rugged mountains and into North Vietnam. The HC-130 refueler departed and circled over Laos. It would provide refueling services if search and rescue was needed. In addition to the three helicopters transporting the Special Forces troopers, there are two more helicopters following with flight crew only, that would be used to carry POWs out.

Over 100 other aircraft from other bases were coming in on the mission at this time.

Meanwhile, in the Tonkin Gulf, the Naval exercise was going on. Nearly sixty US Navy aircraft crossed over the North Vietnamese shoreline about this time and it had the desired effect of drawing their radar operators' attention.

As they approach the prison camp, the helicopters that had flight crew only (no SF troopers) peeled off to land on an island in a lake to await POW pickup.

The MC-130 leading the helicopters climbed from the 500 ft altitude they had been flying to 1500 ft, drops flares to illuminate the camp area, banks hard right, drops napalm tanks and firebomb simulation bombs outside the camp. The napalm acts as a beacon for the A-1 Skyraider support planes. The firebomb simulators create a diversion.

An HH-53 flies low over the camp, its two M-134 miniguns hosing down the guard towers.

The single HH-3 helicopter comes in fast and hard, basically crash landing inside the prison camp walls, clipping trees on the way down. The landing was so hard it dislodged a fire extinguisher that struck Air Force Flight Engineer/Sgt Leroy Wright in the ankle with enough force to break it. He either didn't notice or he ignored it, and continued his duties, walked out, taking care of it later. This helicopter was considered expendable after it delivered its 13-man raid team, and had in fact been rigged with explosives.

This assault team was lead by Captain Dick Meadows (who is a legend in the special operations community himself). They quickly exited the helicopter, took up positions, and through battery powered bullhorns announced to the North Vietnamese that this was a rescue, and that the prisoners were to be released. The North Vietnamese answered by firing at them, but since they were still shocked and bewildered by what had just happened by the sudden appearance of aircraft, and the raiders had all the initiative, the fire was ineffective and they were quickly mowed down or overran. The helicopter was blown. Soon another charge was blown that had been set in the southwest corner of the

prison camp's walls. The plan was that the raiders and POWs would leave through this hole.

Immediately following their landing, the two HH-53s were supposed to land outside the south walls. The raiders on board would exit to search the buildings there (outside the walls) for POWs. The Sơn Tây prison camp was built north of a military base, and soldiers from that base could easily reinforce the camp. By landing between the two camps, they could block them long enough to snatch the POWs and be gone.

One of the HH-53s mistook a fenced area for the prison compound and landed there. It was not part of the prison camp, but 200 meters south, in the military base. This helicopter carried the army commander Bull Simons. In the approximately five minutes it took to sort it out, reboard, and fly to the correct location, the raiders in that helicopter gave the North Vietnamese a beating with no losses.

They landed at the correct location and joined the search. Every building was searched. After 29 minutes (some say 27) from initial touchdown (one minute under planned) they departed.

The message was sent back to the command center:

NEGATIVE ITEMS

(No POWs found.)

None. They had been moved.

I've read that to a man the raiders wanted to go out the next night and try again.

Of course, there were a thousand reasons why they couldn't, but good Lord isn't it nice to know that they wanted to?

It was later learned that the POWs were moved not because the North Vietnamese learned of the raid, but for a much simpler explanation. The well was running dry. They had been moved in July. The activity seen in the SR-71 photographs that was thought to be prisoners was probably North Vietnamese soldiers or workers cleaning it up or converting it into some other use, like barracks for the military base.

The raid was both a failure and a success. No, no POWs were rescued. But because of this raid, the North Vietnamese knew we were serious about our POWs and they changed the way they were treated, albeit slightly. Instead of being held singly in bamboo cages or chained to trees in remote areas, they were moved to Hanoi where they saw other prisoners. Just knowing there were others meant a lot to many of them; seeing another American for the first time in months or years instead of wondering raised their spirits. And they knew we were willing to do something.

Tactically speaking, the raid was a success. Everything went according to plan. Everything except for the thing you can't plan for.

Sgt Wright got the broken ankle from the fire extinguisher and another man, Sgt Joseph Murray, took a bullet to the thigh - the only injuries, against an estimated 50 to 100 enemy dead.

(Sgt Wright received the Air Force Cross. I believe everyone received at least the Silver Star, along with several other awards.)

One F-105 was lost due to a near miss from a SAM. The crew ejected and were recovered. The HH-3 was lost, but that was planned.

Many participants in the raid would stay in the special operations community for many years to come, serving and training others.

*One other note about the Son Tây Raid. It is presumed to be the first use of red dot sights in combat. According to the book "The Raid" by Benjamin F. Schemmer: When they were training up for the mission, Col Simons was not pleased with the results they got when shooting at night. Their hits were around 25 percent on torso silhouette targets at 50 meters with the CAR-15s. He looked into night vision of the day. Starlight equipment was too big for the high speed mission. Some "Infrared" was promising but he could only get six units (I don't know what infrared would be promising in 1970.) He found the Armson OEG Singlepoint, which used a red dot in a tube sight illuminated by Tritium that you sighted through by keeping both eyes open. Hit percentages went up, speeds jumped, groups dropped, even with bursts. If I remember right, they had to tape the sights onto the carrying handles of the CARs. There are some pictures of Son Tây Raiders online and you can see the OEG on the CARs, but I can't really tell how they are mounted.

Richard J. Meadows led the key team that crash-landed the HH-3 (team Blueboy) into the camp.

He was a Captain at the time, and retired a Major in 1977.

He enlisted at age 15.

He was a Master Sergeant at age 19.

He was an early Special Forces trooper, entering SF in 1953.

In the early 1960s, he went to England as a representative of the 7th Special Forces Group in an exchange program with the British Special Air Service, serving as a Troop Commander for a year. He remains one of only two foreigners to receive SAS wings.

In 1966, it was well known that the North Vietnamese Army was infiltrating into south Vietnam (and not just Viet Cong and some farmer with a rifle here and there as some members of congress wanted to think) but because they sneaked through Cambodia and Laos there was no hard evidence.

Meadows went out and got it.

He and his recon team went out and lay by a trail in Laos, taking pictures as dozens of NVA passed by. Just to be sure, he took out an 8mm movie camera, crept right up to the trail's edge and filmed nearly a full battalion passing by. The evidence was given to General William Westmoreland, who passed it along to Congress.

When Russian support was doubted, Meadows took his team out and found an artillery storage depot, removed the Russian sights from a couple of cannon, and presented them to Westmoreland.

Meadows was directly commissioned as a Captain in 1967. General Westmoreland approved the commission, the first in the Vietnam war.

Meadows retired in 1977.

Then Delta Force was formed. Charlie Beckwith was put in charge, and he hired Meadows as a civilian trainer. They trained at Eglin, same place as where they trained for the Son Tâi raid.

He retired again in 1980, but came back for another job. When Delta Force got the go ahead for the ill-fated Eagle Claw rescue operation of the hostages at the American embassy in Tehran, they found they didn't have much to work with on the CIA end.

Most people know about the disaster in the desert outside of Tehran, but even had that gone off OK, it was only a small part of the operation. It was a complicated, multi-part, operation, with a lot of planning and setup. The Carter administration had cut the CIA so badly that there simply wasn't enough people to do it.

Someone was needed to go into Tehran, recon the routes Delta would use to the embassy, the security and defenses, confirm and check a warehouse where trucks were to be stored for transportation out, and correct anything and everything that needed it. In other words, clear the road in and out. Delta's Beckwith wanted Meadows to do this, which Meadows

was more than willing to do. The CIA opposed it, calling Meadows an amateur. Meadows said he would do it anyway, so they gave up and approved him.

He flew in, posing as an Irish businessman, cleared everything, and waited at the warehouse.

As we all know, the mission went to hell, and was aborted.

Meadows didn't get word for over 24 hours due to bad communications.

In the cluster at Desert One, documents were left behind that disclosed the warehouse location. The location Meadows was waiting.

Stranded.

He made it out, barely, to Turkey.

His last years get hazy. After the Eagle Claw operation, he was involved in Ross Perot's rescue of his employees from Iran (Ken Follet's Wings of Eagles book) but that is somehow shrouded in mystery still. He was active in Central and South America in the war on drugs, but nobody seems to know how or if he was working for the government or on his own or just for free. He was quoted as saying he thought this country wasn't serious against the cartels, and wanted to do more.

He found out he had Leukemia in 1995. He was diagnosed when it was in it's last stages and was dead within days. He was 64.

A large number of his work is still classified and probably will remain so for some time to come. Although he has many decorations from the Distinguished Service Cross on down, some think he would have received the Medal of Honor long ago had all of his work been unclassified. I have the feeling there is one thing that rewarded him most: In all the missions he ran deep behind enemy lines, he never lost a man.

Can you imagine the shock?

You're an NVA guarding an empty prison of war camp where there isn't an armed enemy in miles - it's only 23 miles from Hanoi - it's the middle of the night, you are sound asleep without a care, and....

A C-130 roars over, drops flares turning night into day, then dropping napalm outside the fence so close you can feel the heat, and you hear gunfire sounds nearby. Probably before the napalm has even hit, one of the HH-53s has skimmed over the camp ripping through the guard towers with the miniguns.

*Then if that wasn't enough, it's immediately followed by a big azz Jolly Green Giant helicopter crash landing right in the middle of the yard with 13 big hairy American devils pouring out of it, and two more helicopters coming behind, when you hear over a bullhorn "**We are here to release the prisoners**".*

*Some guards had to be thinking: "**I wish to hell I had some prisoners to release.**"*